

Số: **309**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **14** tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Môi trường, Địa chất và khoáng sản, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi và thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*Tờ trình số 129 /TTr-STNMT ngày 14/01/2019*) và Chánh Văn phòng UBND tỉnh (*Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 30/01/2019*),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Môi trường, Địa chất và khoáng sản, Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 03/6/2016; Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 và Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, NC.

CHỦ TỊCH ✓  
  
Nguyễn Đức Chính

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ  
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, KHOÁNG SẢN, TÀI NGUYÊN NƯỚC, KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN THUỘC PHẠM VI CHỨC**

**NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*



**I. Thủ tục hành chính mới ban hành: 17 TTHC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực khoáng sản</b>					
1	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	38 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật khoáng sản năm 2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 (4) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (5) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014
2	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật khoáng sản năm 2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (4) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014
3	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	25 ngày làm việc đối với điều chỉnh giấy phép; 79 ngày làm việc đối với	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà;	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016	(1) Luật khoáng sản năm 2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 (4) Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày

		cấp Giấy phép	0233.3854.409)		của Bộ Tài chính;	30/6/2015 (5) Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2011 (4) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (5) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014
4	Đóng cửa mỏ khoáng sản	64 ngày làm việc (42 ngày đối với phê duyệt đề án và 22 ngày đối với nghiệm thu đóng cửa mỏ)	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không quy định	(1) Luật khoáng sản năm 2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 (4) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017
<b>II Lĩnh vực môi trường</b>						
1	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Theo quy định tại Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị	(1) Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (2) Nghị định số 19/2015-NĐ-CP ngày 14/02/2015 (3) Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
2	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	30 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Theo quy định tại Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng	(1) Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (2) Nghị định số 19/2015-NĐ-CP ngày 14/02/2015 (3) Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày

					Trị	10/10/2018
<b>III Lĩnh vực tài nguyên nước</b>						
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	20 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 (4) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017
2	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	55 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (6) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (7) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 (8) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (9) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
3	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	50 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày

			Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)		21/12/2016 của UBND tỉnh	05/10/2018 (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (5) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (6) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (7) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (8) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	55 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
5	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	50 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày

						30/5/2014; (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
6	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> / ngày đêm	55 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
7	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai	50 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày

	thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> /ngày đêm					18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
8	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	55 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
9	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	50 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (5) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017



						(7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
10	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	18 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (5) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
11	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh	(1) Luật Tài nguyên nước năm 2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (5) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; (6) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (7) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018

						(8) Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 (9) Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
--	--	--	--	--	--	---

## II. Thủ tục hành chính sửa đổi : 08 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	<b>Lĩnh vực môi trường</b>					
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Theo quy định tại Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị	(1) Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (2) Nghị định số 18/2015-NĐ-CP ngày 14/02/2015 (3) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
2	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	25 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (2) Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 (3) Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
3	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường	18 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (2) Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 (3) Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>hợp Giấy xác nhận hết hạn)</i>		Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)			(4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
II	<b>Lĩnh vực khoáng sản</b>					
1	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	70 ngày	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến/BCC I	Thực hiện theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính (5) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 (7) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014;
2	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	35 ngày	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/trực tuyến/BCC I	Thực hiện theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (5) Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính (6) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						(7) Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 của UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực khí tượng thủy văn</b>					
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật khí tượng thủy văn 2015 (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (4) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	15 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật khí tượng thủy văn 2015 (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (4) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	05 ngày làm việc	Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 227, đường Hùng Vương, TP Đông Hà; 0233.3854.409)	Nộp hồ sơ trực tiếp/ BCCI	Không	(1) Luật khí tượng thủy văn 2015 (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 (4) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018

### III. Thủ tục hành chính bãi bỏ: 18 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực khoáng sản</b>	
1	Hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
2	Hồ sơ đăng ký khối lượng cát thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
3	Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
4	Cấp phép khai thác khoáng sản.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
5	Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án đóng cửa một phần diện tích khai thác khoáng sản)	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
6	Hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khai thác khoáng sản)	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>	

1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
2	Gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
9	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017

		(2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
11	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018
12	Giã hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển.	(1) Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 (2) Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018

**Tổng số: 43 TTHC**